TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HS-ST
Ngày: 04 - 6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Tòng

Ông Trương Văn Ánh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Kim Thùy là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hùng Duẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: **Nguyễn Trọng N,** sinh ngày 19/7/1999; tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: tổ A, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ánh N1; vợ, con: không có; tiền sự: không; tiền án: 01 lần (Ngày 01/4/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy theo bản án số 09/2022/HSST". Đến ngày 29/3/2023 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương). Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Long bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/02/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai: **Trần Văn H1,** sinh ngày 12/8/1993; tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: tổ A, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: cao đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị K; vợ: Trần Thị Hồng P và con có tất cả 02 người (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2017) tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Long bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/02/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1984. Nơi cư trú: tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trọng N và Trần Văn H1 cùng nghiện ma túy và có mối quan hệ bà con hàng xóm. Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 19/02/2024 N điều khiển xe mô tô biển số 64H9-0675 chở H1 đến Tòa án nhân dân huyện Bình Tân để H1 xin mẫu đơn ly hôn. Sau đó, trên đường về N rủ H1 mỗi người hùn vô 100.000 đồng để mua ma túy sử dụng thì H1 đồng ý. N chạy xe chở H1 đến khu vực thuộc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long gặp 01 người thanh niên tên B (không rõ địa chỉ) mua 01 bịch ma túy với số tiền 200.000 đồng.

Sau khi mua được ma túy, N đưa bịch ma túy cho H1 cầm trên tay rồi N chở H1 về để cùng sử dụng.

Khi chạy xe đến đoạn đường thuộc tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long thì bị lực lượng Công an huyện B kết hợp với Công an xã T đang trên đường tuần tra yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Qua đó, phát hiện H1 đang cầm trên tay 01 bịch nylon màu trắng bên trong có chứa nhiều hạt tinh thể rắn màu trắng (nghi là ma túy đá). Nên lực lượng Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ và niêm phong bịch nylon lại, có chữ ký xác nhận của Trần Văn H1.

Lực lượng công an tiến hành thử test nhanh cho Nguyễn Trọng N và Trần Văn H1 kết quả cho thấy N và H1 dương tính với chất ma túy. Qua làm việc thì N và H1 thừa nhận đang trên đường mua ma túy về để sử dụng thì bị bắt (BL: 28, 29, 34-49)

Vật chứng thu giữ gồm:

- Số tiền 100.000 đồng của Trần Văn H1.
- 01 xe mô tô 64H9-0675.

Theo kết luận giám định số 119/KLGĐ-PC09 ngày 22/02/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh V kết luận: *"Mẫu tinh thể rắn màu trắng bên trong 01 bịch nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,1191gam, loại: Methamphetamine."* (BL: 25)

Xét thấy đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên vào ngày 16/01/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Trọng N và Trần Văn H1 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và ra lệnh tạm giam để điều tra.

Quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra chứng minh được như sau: (BL: 34-35, 30, 66-67, 52-59).

- Đối với 01 bịch nylon, bên trong có chứa 0,0744 gam ma túy (được hoàn trả sau giám định).

- Đối với 01 xe mô tô 64H9-0675 đây là xe của ông Nguyễn Văn H (là cha của N) cho N mượn nhưng N chạy xe chở H1 đi mua ma túy rồi tàng trữ ma túy

trong người bị Công an bắt thì ông H không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông H xong.

- Đối với số tiền 100.000 đồng của H1 là không liên quan đến vụ án.

- Đối với người thanh niên tên B bán ma túy cho N do N không biết tên và địa chỉ ở đâu Cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm rõ xử lý sau.

Tại Cáo trạng số 29/CT-VKSBT ngày 23/4/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố bị can Nguyễn Trọng N và Trần Văn H1 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, năng lực trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Trọng N và Trần Văn H1 đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17, 38, 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nhân từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17, 38 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo H1 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với 01 bịch ni lon bên trong có chứa 0,0744 gam ma túy (được hoàn trả sau giám định) cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 xe mô tô 64H9-0675 là xe của ông Nguyễn Văn H (cha của bị cáo N) cho bị cáo mượn rồi bị cáo lấy chạy chở bị cáo H1 đi mua ma túy thì ông H không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông H xong.

- Đối với số tiền 100.000 đồng của bị cáo H1 thì cần trả lại cho bị cáo vì không liên quan đến vụ án.

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân đã truy tố.

Bị cáo N nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo H1 không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong vụ án, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến phiên tòa. Tuy nhiên, họ có đầy đủ lời khai tại cơ quan điều tra nên sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[3] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 19/02/2024 lực lượng Công an huyện B kết hợp với Công an xã T tuần tra đến đoạn đường đal thuộc tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long phát hiện Nguyễn Trọng N điều khiển xe mô tô biển số 64H9-0675 chở Trần Văn H1 có biểu hiện nghi vấn nên lực lượng Công an yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện Trần Văn H1 đang cầm trên tay trái 01 bịch nilon màu trắng có chứa ma túy loại Methamphetamine có khối 0,1191gam đang cất giấu đem về sử dụng. (BL 45)

Hành vi trên của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như sau:

1. "Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Methamphetamine……. có khối lượng từ 0,1 đến dưới 05 gam;

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân đã truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật như trong cáo trạng số 29/CT-VKSBT ngày 23/4/2024 cũng như lời luận tội của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, bởi chất Methamphetamine là một trong những chất ma túy được Nhà nước ta độc quyền quản lý, cấm tàng trữ và sử dụng, nếu ai vi phạm sẽ bị trừng trị nghiêm khắc. Chính vì vậy, cần có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe giáo dục và đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống đối với loại tội phạm này.

Trong vụ án, các bị cáo phạm tội với vai trò là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo vì muốn có ma túy sử dụng nên rủ nhau hùn tiền để mua ma túy. Xét bị cáo N

là người rủ rê và là người đi mua ma túy vì vậy hình phạt của bị cáo phải cao hơn so với bị cáo H1.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo H1 là không có theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Riêng bị cáo N có 01 tiền án về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy do đó lần phạm tội này của bị cáo là phạm vào tình tiết "tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cãi do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi lượng hình đối với các bị cáo.

[5] Xét các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo N và H1.

[6] Đối với người thanh niên tên Beo bán ma túy cho bị cáo N do bị cáo không biết tên và địa chỉ ở đâu nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[7] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 bịch ni lon bên trong có chứa 0,0744 gam ma túy (được hoàn trả sau giám định) cần tịch thu tiêu hủy.

- Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông H 01 xe mô tô biển số 64H9-0675 do ông cho bị cáo mượn chạy nhưng sau đó bị cáo chở bị cáo H1 đi mua ma túy về sử dụng thì ông không biết.

- Đối với số tiền 100.000 đồng của bị cáo H1 thì đây là tiền cá nhân của bị cáo không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo.

[8] Về án phí sơ thẩm: Buộc các bị cáo mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trọng N và Trần Văn H1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

1.1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17, 38, 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19 tháng 02 năm 2024.

1.2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17, 38, 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Văn H1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù . Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19 tháng 02 năm 2024.

1.3. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Trọng N và Trần Văn H1 .

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) gói niêm phong số 119/KL-KTHS bên trong chứa vỏ bao gói và chất ma túy còn lại sau giám định là 0,0744 gam (Không phẩy không ngàn bảy trăm bốn mươi bốn gam).

- Trả lại số tiền 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng) có mệnh giá Việt Nam cho bị cáo Trần Văn H1.

Lưu theo hồ sơ vụ án 02 (hai) đĩa DVD ghi âm, ghi hình ảnh hỏi cung các bị cáo Nguyễn Trọng N và Trần Văn H1 để làm chứng cứ.

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Trọng N và Trần Văn H1 mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA)
- VKSND tỉnh Vĩnh Long
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Bình Tân
- CA H.Bình Tân (CQTHAHS, CQĐT, NTG)
- Chi cục THADS huyện Bình Tân
- UBND xã Tân An Thạnh
- Các bị cáo
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Thanh Hùng